

TIN TÂM - XUÂN BÌNH DẦN 1986

Để nhắc nhở quý vị trong năm mới về sự tu hành, tôi sẽ nói một câu chuyện. Muốn cho quý vị qua năm Bình Dần này tinh tấn tu hành đúng theo tinh thần Thiền tông, tôi sẽ nhắc và nói rõ về việc TIN TÂM. Vì phần nhiều người tu chúng ta tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, nhưng ít người tin Tâm của mình, nên hôm nay tôi nói thẳng về phương pháp hay đường lối để làm sao mình nhận hiểu, tin được tâm của mình để tu hành. Đó là mục đích của câu chuyện tôi nói hôm nay.

Tâm là cái gì? Từ xưa đến nay ai cũng hay nói: Tôi không cần đi chùa, tôi chỉ tu tâm cũng được rồi! Nhưng tâm là cái gì để mà tu? Đó là điều mà nhiều người muốn biết. Hoặc khi nói chuyện với nhau, có người bảo rằng: tâm tôi nghĩ thế này, tâm tôi tính thế kia, như vậy tâm là cái nghĩ tính hay tâm là cái gì khác nữa, đó là điều mà chúng ta phải biết rõ. Đúng ra chữ Tâm của nhà Phật là chỉ cho cái "Biết", biết nghĩ, biết tính, biết tốt, biết xấu, biết dở, biết hay... tóm lại tất cả cái thuộc trên lãnh vực biết đều gọi là tâm. Vì thế, nếu chúng ta không phân biệt rành rẽ sẽ chỉ nhận tâm là cái biết phân biệt mà quên tâm còn là cái biết thẳm lặng sáng suốt không phân biệt; thế nên trong nhà Phật mới chia tâm làm nhiều thứ để giải thích, nhưng ở đây tổng quát tôi chia làm hai loại: loại thứ nhất là tâm vọng, loại thứ hai là tâm chân.

Tâm vọng là gì? Tức là những cái biết thuộc về suy nghĩ, thuộc về phân biệt gọi là tâm vọng. Chúng ta phải biết rõ nghĩa chữ tâm, tâm là cái biết, nhưng cái biết suy tính, cái biết phân biệt, cái biết đó là động, là sanh diệt nên gọi là vọng. Vọng là dối, không có thật, có rồi mất hoặc chợt sanh rồi diệt, không bền, không lâu nên gọi là vọng. Trái lại, cái biết thường hằng không đổi, mãi mãi bất sanh bất diệt, tức là không động và không có tướng trạng, cái biết đó gọi là tâm chân hay chân tâm. Như vậy tâm chân thật là chỉ cái biết không bao giờ đổi thay, không bao giờ sanh diệt. Nhưng tất cả chúng ta ai cũng chỉ nhận được cái biết thuộc về suy tính, thuộc về phân biệt, ít ai nhận được cái biết thẳm lặng hằng còn và không sanh diệt. Bởi không hiểu được điều đó nên chỉ nhận tâm mình là cái hư dối cho đó là tâm thật, còn tâm chân thật lại quên đi. Thế nên trong kinh "Tứ Thập Nhị Chương" đức Phật dạy các thầy Tỳ-kheo rằng: "Tỳ-kheo các ông chớ nên tin tâm của các ông, khi nào chứng A-la-hán thì mới nên tin." Như vậy quý vị thấy đức Phật nói: "các ông chớ nên tin tâm của các ông" tâm đó là tâm nào? Tâm đó là cái tâm hư dối, tâm hư dối mà tin nó thì không được. Tại sao? Vì nó là đổi thay, là sanh diệt; tin cái đổi thay sanh diệt thì thế nào mình cũng bị biến đổi, bị sanh diệt. Đợi "khi chứng A-la-hán rồi mới tin tâm các ông", khi chứng A-la-hán thì tâm đó là tâm gì? Sau khi chứng A-la-hán thì cái biết không còn sanh diệt nữa, nên khi ấy

mới đáng tin. Như vậy, quý vị mới thấy rõ, đức Phật muốn cho chúng ta đừng làm lẫn hai cái tâm: tâm phân biệt hư dối và tâm lặng lẽ chân thật. Nếu chúng ta cho cái hư dối là thật thì tự chúng ta bị làm bị mê, đi mãi trong sanh tử nên Ngài mới nhắc chúng ta như vậy. Nay quý vị đã biết rằng mình có tâm hư dối và tâm chân thật, nhưng chủ yếu là phải biết mình có cái tâm chân thật phải không? Muốn biết tâm chân thật thì làm sao mà biết? Những vị tu khi ngộ đạo tự nhiên thấy, tự nhiên nhận ra, còn nếu chưa ngộ đạo thì khó mà nhận, khó mà biết. Nay tôi chỉ y theo lời dạy của Phật của Tổ để chỉ cho quý vị, khả dĩ quý vị có thể nhận được phần nào. Như trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật nói rằng: Có một cái gọi là "Nhất tinh minh sanh lục hòa hợp". Chữ Tinh là rỗng rạc, Minh là sáng suốt, Tinh Minh là rỗng rạc sáng suốt hay là sáng suốt một cách thuần túy. Từ một cái sáng suốt thuần túy đó sanh ra sáu cái hòa hợp. Sáu cái hòa hợp là gì? Là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; sáu cái đó gọi là sáu hòa hợp. Tại sao gọi là sáu hòa hợp? Vì muốn thấy thì phải có con mắt, có cảnh bên ngoài và thức theo đó phân biệt, vì vậy cái biết của con mắt thuộc về hòa hợp, đủ duyên hòa hợp mới có, ý suy nghĩ thì cũng có cảnh bên ngoài, có danh, có tướng rồi mới nương đó suy nghĩ, như thế cũng là duyên theo cảnh, nên gọi là lục hòa hợp. Tuy nhiên trong cái chạy theo, duyên theo cảnh đó lại có cái ngầm không theo mà chúng ta không thấy, nên chư Phật, chư Tổ luôn luôn bảo chúng ta phải khéo đừng có lầm chạy theo cảnh mà phải thấy có một cái thật ngầm ở trong. Vì thế chư Thiền sư hay nói, phải như con ngỗng chúa khi uống sữa, chỉ uống sữa mà chừa nước lại. Quý vị nghĩ sữa hòa lẫn với nước, chúng ta chỉ uống toàn sữa, bỏ nước lại, việc đó dễ hay khó? Cũng như vậy nơi sáu căn, trong chỗ hòa hợp, chúng ta phải làm sao nhận ra được cái thuần túy tinh anh mà đừng theo cái hư dối phân biệt, đó là sự khôn ngoan khéo léo của mình. Vì vậy người tu là phải khéo nhận nơi mình có một tinh minh sáng suốt phát ra nơi sáu căn gọi là sáu hòa hợp. Mắt nhìn cảnh, tai nghe tiếng nhưng đừng lệ thuộc vào cái sanh diệt bên ngoài hay cái sanh diệt của vọng tâm mà nhớ sống được với chân tâm đó là điều khôn ngoan nhất, cũng như con ngỗng chúa uống sữa bỏ nước lại vậy.

Hình ảnh trên trong kinh Lăng Nghiêm, sau này các Thiền sư đều diễn tả lại bằng một hình thức lạ lùng, mới nghe chúng ta không hiểu nhưng đến khi thâm nhập, hiểu được thì thấy rất hay. Như Thiền sư Vân Nham khi đến Qui Sơn, ngài Qui Sơn nói rằng: "Nghe nói ông biết làm sư tử múa phải không?" Vân Nham thưa: Phải!

Hỏi: Ông múa được mấy xuất?

Đáp: Tôi múa được sáu xuất.

Sau này ngài Vân Nham được ngài Dược Sơn (tức là thầy) hỏi: Ông biết làm sư tử múa phải không?

Đáp: Dạ phải!

- Ông múa được mấy xuất?

- Con múa được sáu xuất.

Ngài hỏi lại Dược Sơn: Hòa thượng biết làm sư tử múa không?

Dược Sơn đáp: Biết.

Hỏi: Hòa thượng múa mấy xuất?

Đáp: Ta múa một xuất.

Ngài Vân Nham kết luận: “Một tức là sáu, sáu tức là một.” Như vậy hai thầy trò ngài Vân Nham nói chuyện sư tử chơi cho vui hay là nói chuyện trong kinh Lăng Nghiêm? Ông thầy múa một xuất tức là nhất tinh minh, đệ tử múa sáu xuất tức là lục hòa hợp. Nhưng tại sao dùng hình ảnh con sư tử trong đó? Vì sư tử là chúa loài thú, mọi loài thú nghe tiếng của nó đều kinh hoàng, không có loài thú nào dám chống lại; cái chân thật ví dụ như con sư tử, còn những vọng tưởng phân biệt ví dụ như các loài thú khác; biết làm sư tử múa là chỉ cho biết được cái thể nhất tinh minh, một xuất là nhất tinh minh, sáu xuất là sáu hòa hợp. Hiểu như vậy chúng ta mới thấy từ Phật đến Tổ đều thấy rõ nơi mình có một cái chân thật, từ cái chân thật đó theo duyên phát ra sáu cửa. Thế nên có đủ tâm chân thật mà chúng ta không nhận, không biết tưởng như mình không có. Đây là tôi nói chuyện trong kinh Lăng Nghiêm và thầy trò của ngài Vân Nham.

Tiếp theo tôi dẫn chuyện một Tổ sư ở Ấn Độ là ngài Ba-la-đề. Vua Di Kiến hỏi Ngài về Phật tánh thì Ngài đáp thế này: “Nơi thai gọi là thân, ở đời gọi là người, nơi mắt gọi là thấy, nơi tai gọi là nghe, nơi mũi phân biệt các mùi, nơi lưỡi đàm luận, nơi tay nắm bắt, nơi chân chạy nhảy, biến hiện thì khắp sa giới, thu lại thì chỉ trong hạt bụi, người hiểu cho là Phật tánh, người không hiểu gọi là tinh hồn.” Quý vị thấy Ngài có giấu giếm không? Như vậy thì nơi tai, nơi mũi, nơi lưỡi đều có mang tánh chất Phật ở trong đó, thế nên kinh Pháp Hoa nói là Tri kiến Phật. Mang tánh chất Phật, nhưng người hiểu mới thấy đó là Phật tánh, còn người không hiểu nói là tinh hồn tức là hồn linh của mình. Tại sao? Hiểu thì như con ngỗng chúa biết lọc sữa uống chừa nước lại, còn không hiểu thì sao? Như sữa hòa lại chúng ta uống luôn cả nước đầy bụng mà không thể lọc sữa nổi, hiểu và không hiểu khác nhau ở chỗ đó! Quý vị thấy chư Tổ đã trình bày thật rõ ràng cho chúng ta thấy, không có giấu giếm một chút

nào, nhưng vì chúng ta mê muội nhiều đời nên nghe thì dường như hiểu mà sống thì sống không được, đó là tại cái mê làm muôn đời của chúng ta.

Tôi dẫn thêm một vị nữa là Thiền sư Đại An, Ngài nói rất rõ, Ngài dạy chúng rằng: “Cả thầy các người, mỗi người có hòn ngọc lớn vô giá, từ cửa con mắt phóng quang soi sáng núi sông cây cỏ, từ cửa lỗ tai phóng quang nhận lãnh phân biệt tất cả âm thanh lành dữ, sáu cửa ngày đêm thường phóng quang sáng cũng gọi là phóng quang tam-muội, các người không biết lại nhận bóng trong thân tứ đại v.v...” Quý vị thấy chúng ta đều có hòn ngọc quý, nhà Thiền gọi là hòn ngọc quý, trong kinh Lăng Nghiêm gọi là một tinh minh phải không? Cái tinh minh hay là hòn ngọc quý chỉ có một, nhưng tùy duyên phóng ra sáu cửa. Khi phóng ra sáu cửa thì ở tai nó nhận lãnh âm thanh, ở mũi nó nhận lãnh mùi thơm hôi, như vậy nó hằng phóng quang ra sáu cửa mà chúng ta không biết, do không biết nên mình nhận cái gì? - Cái bóng trong thân tứ đại! Cái bóng tức là những vọng tưởng suy nghĩ đó. Tôi hỏi quý vị chúng ta suy nghĩ, chúng ta suy nghĩ thế nào? Suy nghĩ những gì mình đã nghe tên, thấy tướng phải không? Có thấy tướng, nghe tên mình mới suy nghĩ được. Quý vị thử suy nghĩ cái chưa từng nghe tên, chưa từng thấy tướng thử xem được không? Có danh, có tướng là có bóng gieo rắc vào tâm hồn mình, từ bóng đó mình mới duyên theo mà khởi suy nghĩ, như vậy là duyên cái bóng đầu phải thật, còn cái hằng nghe hằng thấy của quý vị có lúc nào không có hay chăng? Cái thấy cái nghe không bao giờ vắng mặt, nhưng cái suy nghĩ thì khi nào duyên theo bóng của sự vật bên ngoài mới có nghĩ, vì thế Ngài mới bảo là chúng ta không nhận được cái chân thật phóng ra từ sáu cửa mà chỉ nhận cái bóng trong thân tứ đại, cái bóng trong thân tứ đại tức là tâm vọng tưởng. Như vậy tất cả chúng ta hiện nay gọi là sống bằng tinh thần hay là bằng tâm của mình, tâm đó là tâm nào? Tâm đó là tâm duyên theo bóng, cái chạy theo bóng, duyên theo bóng thì không phải thật mà chúng ta cả ngày cứ sống với cái bóng đó, đã sống với cái bóng, là cái không thật thì nó sẽ dẫn chúng ta đi trong cái không thật, tức là đi trong sanh tử luân hồi như mộng như huyễn. Trái lại nếu chúng ta sống được với cái chân thật thì vòng luân hồi mộng huyễn không còn nữa, đó là gốc của sự tu.

Đến Tổ Huệ Khả, quý vị nhớ Tổ Huệ Khả đã nhận được pháp tu nơi Tổ Bồ-đề-đạt-ma qua câu chuyện an tâm. Câu chuyện an tâm quý vị nghe rồi. Một thời gian sau, một hôm Ngài bạch với Tổ Bồ-đề-đạt-ma rằng: “Từ đây về sau con dứt hết các duyên.” Bồ-đề-đạt-ma bảo: “Chớ rơi vào đoạn diệt.” Ngài thưa: “Không rơi.” Tổ Bồ-đề-đạt-ma hỏi: “Con làm thế nào?” Ngài thưa: “Con rõ ràng thường biết, nói không thể đến.” Rõ ràng thường biết, trong bài kệ ngài Chân Nguyên dùng chữ “biết thiêng” đó, biết thiêng chữ Hán gọi là linh tri, linh tri là cái biết

rõ ràng, cái biết đó “nói không thể đến”. Cái rõ ràng thường biết diễn tả không được. Tổ bảo rằng: “Đây là chỗ truyền của chư Phật chớ có hoài nghi.” Quý vị thấy còn cái gì nghi nữa không? Rõ như ban ngày! Như vậy chúng ta thấy rõ ràng Phật Tổ đã chỉ cho chúng ta cái chân thật, cái đó ai cũng có nhưng vì chúng ta không khéo nhận, chỉ nhận cái bóng duyên nơi sáu trần, do đó mà quên mất cái chân thật. Tổ Huệ Khả khi nói dứt hết các duyên tức là cái tâm duyên lự theo cảnh, theo bóng dáng của sáu trần đã sạch, Tổ Bồ-đề-đạt-ma sợ lại rơi vào không nên Ngài bảo “coi chừng rơi vào đoạn diệt”. Nếu đến đó không biết gì nữa thì chắc rơi vào đoạn diệt, nên Ngài thưa: Con không rơi vào đoạn diệt. Hỏi: tại sao không rơi vào đoạn diệt, Ngài đáp: con rõ ràng thường biết, rõ ràng thường biết nhưng chỗ đó nói không thể đến. Ngay đó Tổ liền ấn chứng: Đây là chỗ truyền của chư Phật không nên hoài nghi. Đó là sự ấn chứng cụ thể không còn nghi ngờ gì nữa. Phật tử nào có tập ngồi thiền, khi ngồi có một phút giây nào tâm lạng, những khi đó mình không mê ngủ thì khi ấy mình có thấy, có nghe và có biết mình đang lạng không? Mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe và không có vọng, như vậy không phải rõ ràng thường biết là gì? Đâu phải đợi vọng tâm dấy lên mới biết. Rõ ràng chúng ta có cái thường biết hiển nhiên ở nơi chúng ta, không đợi có vọng tâm mới biết, nhưng khổ thay chúng ta cũng như mọi người cứ đợi vọng tâm dấy lên mới cho là tâm mình, mới cho là biết thì đã quên mất cái rõ ràng thường biết thầm lặng ở trong rồi. Vì thế chúng ta phải nhận ra mình có cái rõ ràng thường biết, đó là chúng ta tỉnh, chúng ta giác. Tại sao nói tỉnh, nói giác? Vì chúng ta có cái rõ ràng thường biết hằng hữu mà chúng ta đã quên lại nhận cái bóng duyên theo ngoại cảnh làm tâm mình, như vậy không phải mê là gì? Nhận lầm đó là tâm mình nay biết là cái bóng không phải thật và mình nhận chân được cái thật thì không phải giác là gì? Đó là chỗ mê giác rõ ràng: Chạy theo bóng dáng của sáu trần là mê, nhận biết là vọng đối để sống với cái rõ ràng thường biết của mình là giác chớ không có gì xa lạ. Nhận được cái đó, trong nhà Thiền gọi là Kiên tánh, tức là thấy được bản tánh bất sanh bất diệt của mình; chữ thấy không phải là mắt thấy mà là nhận ra rõ ràng, như vậy quý vị tin được mình có cái đó chưa?

Tôi đã giải thích để quý vị biết mình có cái tâm đó, nay mình phải tin cho sâu, nhận cho kỹ. Làm sao tin nhận chân tâm cho sâu cho đúng? Đây tôi dẫn lời của Tổ Bá Trượng. Khi ngài Thần Tấn học nơi Tổ Bá Trượng xong trở về chùa với thầy Ngài, thầy Ngài tu theo giáo, chỉ biết tụng kinh gõ mõ thôi, trong khi Ngài đã ngộ được lý Thiền, nhưng không biết làm sao nhắc thầy mau tỉnh. Một hôm ông thầy tắm, vì thầy già yếu nên bảo đệ tử ký lưng, khi ký lưng Ngài vỗ trên lưng thầy nói: “điện Phật đẹp mà Phật không Thánh” tức là không có

sáng. Ông thầy nghe ngó lại, Ngài nói: “Tuy Phật không Thánh vẫn hay phóng quang.”

Lại một hôm, bốn sư ngồi trong cửa sổ xem kinh, có một con ong chui đầu vào tấm giấy dán ở cửa sổ tìm lối ra. Sư trông thấy nói: Thế giới thành thang như thế mà chẳng chịu ra, dúi đầu vào giấy cũ biết năm nào ra được? Sư liền nói kệ:

Không môn bất khẩn xuất,

Đầu song dã thái si,

Bách niên tán cổ chỉ,

Hà nhật xuất đầu thì?

Dịch:

Cửa không chẳng chịu ra,

Quá ngu chui cửa sổ,

Giấy cũ trăm năm dúi,

Ngày nào thoát ra được?

Ông thầy nghe hơi bực mình nhưng cũng lấy làm lạ nên hỏi: Người đi học đạo mấy năm, nay thấy được cái gì mà nói nghe lạ vậy? Ngài thưa rằng: Con được Tổ Bá Trượng chỉ cho con đường tu hành. Ông thầy biết đệ tử có cái gì lạ mới bảo: “Ngày mai hội chúng lại, người lên giảng cho ta xem!” Hôm sau đánh trống, chúng hội lại, ông thầy cũng làm thỉnh giả ngồi ở dưới, đệ tử ngồi trên tòa giảng, câu giảng đầu tiên của Ngài là dẫn lời Tổ Bá Trượng, nguyên văn chữ Hán là:

“Linh quang độc chiếu,
Siêu xuất căn trần,
Thể hiện chân thường,
Bất câu văn tự.
Tâm tánh vô nhiễm,
Bản tự viên thành,
Đản ly vọng duyên,
Tức như như Phật.”

Qua hai câu đó, ông thầy ngộ, nói: Ta chưa bao giờ được nghe giáo lý tuyệt vời như thế này! Tôi giải thích lại để xem quý vị thấy rõ hay chưa. “Linh quang độc chiếu”, linh là sáng mà quang cũng là sáng nhưng không thể nói cả hai đều sáng, mà nói sáng suốt lóng lánh, độc chiếu là riêng soi, đây có khác gì khi nãy nói là hòn ngọc báu hay kính Phật nói một tinh minh đâu? “Siêu xuất căn trần”, căn là sáu căn và trần là sáu trần, tức là cái đó vượt hơn sáu căn và sáu trần. Tại sao? Vì sáu căn thuộc về thân, mà thân là tướng sanh diệt; sáu trần thuộc về duyên hợp nên cũng là tướng sanh diệt,

còn cái này không phải sanh diệt nên nói siêu xuất cả căn và trần. “Thể hiện chân thường” là ngay trong đó hiện bày cái chân thường. “Bất câu văn tự” nó không thuộc về chữ nghĩa, nó hiện rõ ràng, nhưng không thuộc về chữ nghĩa. “Tâm tánh vô nhiễm” là tánh của tâm đó không có nhiễm, nói tánh của tâm là để chỉ cho tâm chân thật, còn nói tâm là chỉ tâm phân biệt hư dối, tâm chân thật đó không có nhiễm; quý vị nhớ Lục Tổ khi ngộ, Ngài nói bài kệ: “bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai”, nghĩa là xưa nay không phải một vật thì chỗ nào mà dính bụi bặm, tức là không nhiễm, thật là rõ ràng. “Bản tự viên thành” là vốn tự tròn đủ, nó không nhiễm và nó tự tròn đủ chứ không có thiếu thốn gì cả, nghĩa là ngay nơi đó tròn đủ không thiếu thốn; nhưng làm sao sống được với nó đây? “Đản ly vọng duyên, tức như như Phật.” Hai câu này là chỉ thẳng lối trở về đó. Muốn được sống với nó thì chỉ lìa vọng duyên, lìa tâm hư dối duyên theo bóng dáng sáu trần, khi ấy gọi là như như Phật, tức là ông Phật như như. Tại sao nói Phật như như? Phật là giác, như như là lặng lẽ, tức là cái biết lặng lẽ, mà biết lặng lẽ đó là chân tâm. Ngài Bá Trượng chỉ cho chúng ta thấy rằng mỗi người chúng ta có một cái chân thật, cái chân thật đó sáng suốt siêu xuất cả sáu căn sáu trần, luôn luôn hiện bày tướng chân thật, nhưng nó không mắc kẹt trong văn tự trong chữ nghĩa, bản tánh nó không ô nhiễm, tự tròn đủ, muốn sống với nó chỉ cần lìa các vọng duyên thì tự nó là Phật như như. Như vậy tìm Phật khó hay dễ? Chịu khó lìa vọng duyên phải không? Đó là Phật như như. Còn không chịu lìa thì không biết chừng nào mới có ông Phật như như. Như vậy quý vị thấy đường tu không phải xa, cũng chẳng phải khó, mà xa hay khó là tại mình chưa chịu lìa thôi, nếu lìa được là như như Phật.

Tôi dẫn một đoạn nữa trong “Tín Tâm Minh” cho quý vị thấy rõ hơn. Tổ Tăng Xán dạy:

“Nhân nhược bất thù,
Chư mộng tự trừ,
Tâm nhược bất dị,
Vạn pháp nhất như...”

Hình ảnh này đẹp làm sao! “Nhân nhược bất thù”, con mắt nếu không ngủ thì “chư mộng tự trừ”, không có mộng nào hiện ra cả, phải không? Quý vị thấy có đúng như vậy không? Chúng ta mở con mắt trao tráo rõ ràng sáng suốt như thế này thì có mộng nào hiện ra không? Nhưng nếu nhắm mắt ngủ một chút thì sao? Thấy cảnh này cảnh kia... bao nhiêu cảnh là bao nhiêu mộng, bao nhiêu mộng hiện ra là do mắt mình ngủ, nếu mắt không ngủ thì không có mộng nào hiện ra cả, đó là dụ. Tiếp theo Ngài hợp pháp: “Tâm nhược bất dị, vạn pháp nhất như.” Tâm chúng ta nếu không có khác thì muôn pháp đều nhất như. Tâm không khác nghĩa là sao? Tức là không có dấy niệm thứ hai, thứ ba nào. Có một niệm tức là có khác, nó rõ ràng

thường biết mà không có niệm nào khác thì muôn pháp là nhất, là như, chứ không còn cái gì nữa cả. Như vậy quý vị thấy muốn tìm muôn pháp nhất như phải tìm ở đâu? Có nhiều người không biết tu, nghe nói tu đến khi tâm cảnh nhất như hay là muôn pháp đều như như liền nghĩ rằng, muôn pháp như như tức là mình phải quán tất cả đều là không ngộ thì nó như, phải không? Không phải! Chỉ khi nào chúng ta không có một niệm dấy lên thì các pháp là nhất như. Trở lại thí dụ trên, quý vị thấy con mắt không ngủ là dụ cho không khởi một niệm. Con mắt không ngủ thì có thấy mộng nào đâu nên nói vạn pháp nhất như; con mắt lúc ngủ thì hết mộng này đến mộng kia liên miên là dụ cho khi dấy niệm lên thì muôn pháp thiên sai vạn biệt. Như vậy chúng ta thấy muốn hết mộng thì chỉ chịu khó mở mắt, cũng như muốn cho tâm cảnh nhất như thì chỉ chịu khó tâm không khởi niệm, không có niệm khác thì nó là nhất như. Quý vị thử khi nào ngồi nhìn trời nhìn mây mà không có một niệm nào cả thì trời mây có phân biệt cái này đẹp, cái kia xấu, cái này tên A, cái kia tên B không? Nếu không khởi niệm, không có phân biệt tức là nhất như chứ gì? Còn mình khởi niệm thì nói đây là mây vàng, kia là mây đỏ v.v... là nhiều thứ rồi. Thế nên chủ yếu của người tu là phải làm sao biết rõ cái chân thật đó, đừng chạy theo vọng tưởng, vọng tưởng lặng rồi thì muôn pháp nhất như, chứ không phải nhờ muôn pháp trở thành một khối để nhất như. Đó là chủ yếu của chư Tổ dạy. Như vậy đoạn này nói: “tâm nhược bất dị, vạn pháp nhất như” với đoạn trên Tổ Bá Trượng nói: “đản ly vọng duyên, tức như như Phật” có khác không? Nghĩa là đoạn trên thì lìa vọng duyên, còn đoạn này thì tâm chẳng khác, chẳng khác tức là không loạn chứ gì? Như vậy trên nói “như như Phật”, dưới nói “vạn pháp nhất như” là lối nói cho chúng ta thấy rõ.

Cũng trong Tín Tâm Minh có đoạn:

“Viên đồng thái hư,
Vô khiếm vô dư,
Nhân do thủ xả,
Sở dĩ bất như.”

Tổ lập lại chữ “như” một lần nữa. Mình có cái thể tánh đó tròn đồng thái hư, nghĩa là trùm cả hư không; vô khiếm tức không thiếu, vô dư tức không thừa, không thừa, không thiếu, hư không đến đâu thì tâm thể mình đến đó. Tại sao vậy? Vì tâm thể không tướng, mà hư không cũng không tướng, không tướng nên hư không đến đâu thì tâm thể đến đó, vì vậy nói tròn đồng thái hư, không có thiếu, cũng không có thừa. “Nhân do thủ xả”, thủ là lấy, xả là bỏ, vì chúng ta có lấy có bỏ do đó không được như. Quý vị thấy, nếu có lấy, có bỏ, thì tâm đó dị chưa? Lấy khác bỏ khác, tức là tâm đã dị rồi, mà tâm đã dị thì không phải, tức nhiên vạn pháp đâu được nhất như. Thế nên Tổ bảo nếu còn thủ xả thì không có như, nếu mình bỏ thủ, bỏ xả rồi thì sẽ như. Tất cả niệm của chúng ta khởi theo cái gì?

Theo hai bên, nghĩa là hoặc thủ hoặc xả, hoặc khen hoặc chê v.v..., tất cả các chấp hai đều nằm trong thủ xả. Vì thế còn chấp hai là tâm không như. Tóm lại niệm nào dấy lên cũng đều trong cái chấp hai. Ví dụ chúng ta nghĩ vật này tốt hoặc xấu, việc kia có hoặc không... tốt xấu là hai, có không là hai, phải quấy là hai v.v... vừa dấy niệm là nằm trong cái chấp hai; nhưng nếu lặng niệm xuống thì có hai không? Biết mà không có hai, chính cái biết không hai đó mới là như, còn dấy niệm theo hai bên là không như, đó là chỗ thiết yếu mà quý vị phải thấy cho thật rõ. Như vậy đoạn này là tôi nhắc để quý vị thấy đường lối tu.

Cũng trong Tín Tâm Minh, khi kết thúc Tổ nói: “Tín tâm bất nhị, Bất nhị tín tâm.”

Ngài nói Tín Tâm là không hai, rồi lập lại không hai là Tín Tâm. Chúng ta tin tâm là không hai, chúng ta không hai tức là tin tâm. Quý vị tin tâm chưa? Nếu còn thấy hai là chưa tin. Chữ tin này không phải chỉ là chúng ta biết có cái đó, mà chữ tin này là tin nhận, nhận được tâm chân thật; nhưng muốn nhận được tâm chân thật là đừng thấy hai, còn có hai là không bao giờ nhận được tâm chân thật. Như vậy tin nhận được tâm chân thật là khi nào không còn hai, vì thế Ngài nói “tín tâm bất nhị” rồi Ngài lập lại “bất nhị tín tâm”; vì tâm chân thật đó là không có niệm, dấy niệm tức là hai, muốn nhận nó thì phải đừng dấy niệm. Thế nên quý vị thấy chư Tổ thuở xưa, khi người nào dấy niệm hỏi điều gì có tánh cách đối đãi thì đều bị ăn đòn phải không? Đó là để tập cho mình thấy đó là lỗi, đừng chạy theo nó nữa, không theo cái hai mới tin được tâm, mà tâm đó là gì? Tâm đó là Phật phải không? Nếu chúng ta tin được tâm đó tức chúng ta tin được ông Phật của mình. Tin được Phật mình, nhận được Phật mình thì sớm muộn gì cũng thành Phật, nên nói kiến tánh thành Phật. Ai tu lại không muốn thành Phật, phải không? Có người nào nói tôi tu mà không thêm thành Phật? Tu là muốn được thành Phật, nhưng muốn được thành Phật thì phải tin nhận tâm của mình, tin nhận tâm của mình thì phải không hai, không hai đó là tin nhận. Tóm lại, quý vị thấy chủ yếu của người tu muốn được thành Phật (tức là ông Phật sẵn của mình) thì phải đừng bị vọng tưởng dẫn dắt, nếu để vọng tưởng dẫn dắt thì không bao giờ chúng ta tin nhận được điều đó, nghĩa là còn vọng tưởng thì dù nói cao xa gì đi nữa, cũng không đến được cái đó được.

Đây là tôi dẫn trong Tín Tâm Minh, tiếp theo tôi dẫn một đoạn trong Chứng Đạo Ca cho quý vị thấy các ngài cũng đều dạy chúng ta một điều đó. Chứng Đạo Ca nói:

“Thế nhược hư không vô nhai ngại,

Bất ly đương xứ thường trạm nhiên,

Mịch tức tri quân bất khả kiến.”

“Thế nhược hư không vô nhai ngại” là tâm thế đó giống như hư không, không có bờ mé. Đoạn trên nói “viên đồng thái hư” là tròn đồng thái hư, không thiếu không dư, đây Ngài nói thế đó như hư không, không bờ mé. Làm sao sống được cái thế đó? Và làm sao biết được cái thế đó? “Bất ly đương xứ thường trạm nhiên” nghĩa là không rời ngay chỗ này mà nó thường lặng lẽ, ngay chỗ này tức là hiện giờ quý vị đang ngồi đây, có cái lặng lẽ đó hay không? Có ông Phật hiện không? Đâu phải chạy tìm nơi nào, mà ngay nơi đây có ông Phật hiện tiền rồi! Vì thế nên nói: “mịch tức tri quân bất khả kiến”, khởi niệm tìm tức là mất tiêu không bao giờ thấy được ông Phật, lặng lẽ ngồi an như vậy thì ông Phật hiện tiền, nhưng vừa dấy niệm tìm ông thì mất ngay. Dấy niệm lên là ông Phật không còn, niệm lặng xuống là ông Phật hiện tiền. Chính chỗ đó quý vị mới thấy, tâm thế của chính mình là trùm khắp, còn vọng tưởng của mình thì giới hạn tạm bợ. Tỉ dụ chúng ta nghĩ về người thì vọng tưởng chỉ giới hạn trong con người, khi chúng ta nghĩ tới cây thì vọng tưởng chỉ duyên theo bóng của cây, nó có giới hạn, nghĩ cái đó rồi nó mất; như vậy nó có tướng giới hạn và tạm bợ mà cho là mình, còn tâm thế trùm cả hư không, chưa bao giờ sanh diệt chúng ta lại bỏ quên, đó là điều thật đáng thương cho mình. Chúng ta bỏ cái chân thật mà chạy theo cái hư dối, hài lòng với cái hư dối để rồi lăn lộn trong vòng luân hồi sanh tử, vì thế chư Phật, chư Tổ thương xót mới ra đời chỉ cho chúng ta cái đó. Phật Tổ thương chỉ cho chúng ta cái đó, nhưng chúng ta thì sao? Chúng ta không chịu làm đúng như lời Phật Tổ dạy, như vậy Phật Tổ phụ mình hay mình phụ Phật Tổ? Nhiều khi quý vị cứ nghĩ Phật bỏ mình, nhưng Phật bỏ mình hay mình bỏ Phật? Như thế mới thấy rõ ràng chúng ta là người quý kính Phật nhưng vô tình chúng ta lại bỏ rơi Phật, phụ công ơn Phật. Điều Phật chỉ dạy chúng ta không màng, chúng ta không cố gắng thực hiện, chúng ta lại bỏ qua để rồi chúng ta sống trong sự cuồng loạn của chúng ta, đó là chúng ta đáng khen hay đáng chê? Thật là những chúng sanh mê muội đáng thương, đáng trách phải không? Mê muội thật quá lắm! Thế nên chúng ta hiểu đạo là để tu, chớ không phải hiểu để nói, chúng ta làm sao ứng dụng được những điều Phật Tổ dạy để mình trở lại với tâm chân thật của mình. Vậy thì quý vị nhớ rằng thân này là tứ đại hòa hợp, tâm vọng tưởng là duyên theo bóng dáng sáu trần, cái gì hợp thì cái đó phải tan, cái duyên theo bóng dáng là cái hư dối. Cái sẽ tan, cái hư dối mà chấp là thật, là mình; còn cái chưa bao giờ mất, chưa bao giờ diệt lại trùm cả hư không, chúng ta lại bỏ quên. Đúng như trong kinh PHÁP HOA nói là cùng tử, lẽ ra nhận mình là con ông trưởng giả thì kho báu đầy nhà mặc tình hưởng, nhưng không chịu nhận lại cam đi hốt phân để sống qua ngày. Qua hình ảnh đó chúng ta mới thấy sự tàn tệ, sự điên cuồng của chúng ta: Có một

cái chân thật chúng ta có quyền hưởng trọn vẹn nhưng không chịu hưởng để đi nhận một cái hết sức là tầm thường và hài lòng như vậy. Tất cả người chạy theo cái tầm thường và hài lòng hãnh diện, chúng ta thấy họ thế nào? Thật là đáng thương phải không? Giả sử họ ngồi ăn một mâm cơm đầy đủ cao lương mỹ vị, mới nhìn thấy sang, thấy ngon nhưng ăn quá no những thức ăn khó tiêu dễ sanh đau bụng rồi mới thấy khổ, một lát sau tiêu hóa ra cũng hơi thú vị. Vậy mà hài lòng, vậy mà quý trọng, đó thật là khờ dại, còn cái chân thật thanh tịnh sẵn có lại bỏ quên! Thế nên chúng ta tu là cốt phải trở về cái chân thật đó, sống được với cái chân thật đó mới thật là biết đạo, mới thật là tu. Trái lại chạy theo bóng dáng bên ngoài dầu hay bao nhiêu cũng chỉ là ảo ảnh thôi, không phải cái chân thật. Như thế quý vị thấy chủ yếu của người tu Phật là phải tin nhận nơi mình cái chân thật, cái chân thật đó gọi là Chân tâm hay Phật tánh. Để kết luận tôi không muốn nói dài dòng mà kết luận bằng một bài kệ của cư sĩ Bàn Long Uẩn để nhắc cho quý vị nhớ ông là cư sĩ mà còn nói được như thế này:

“Đản tự vô tâm ư vạn vật,
Hà phòng vạn vật thường vi nhiễu.
Thiết nguư bất phạ sư tử hồng,
Kháp tợ mộc nhân khán họa điểu,
Mộc nhân bản thể tự vô tình,
Họa điểu phùng nhân diệc bất kinh.
Tâm cảnh như như chỉ giá thị,
Hà lự bò-đề đạo bất thành.”

Tôi tạm dịch:

Chỉ tự vô tâm cùng vạn vật,
Ngại gì vạn vật thường quấy nhiễu.
Trâu sắt chẳng sợ sư tử rống,
Giống như người gỗ xem chim vẽ,
Người gỗ bản thể tự vô tình,
Chim vẽ gặp người cũng chẳng kinh.
Tâm cảnh như như chỉ thế ấy,
Nào sợ bò-đề đạo chẳng thành.

Quý vị thấy ông mở đầu bằng câu: “Chỉ tự vô tâm cùng vạn vật.” Vô tâm đó là vô cái vô tâm

nào? Trong đoạn đầu tôi dẫn lời đức Phật bảo: “các thầy Tỳ-kheo đừng tin tâm các ông”, vô cái tâm đó, vô cái tâm vọng tưởng điên đảo đó. Chỉ vô tâm cùng vạn vật nghĩa là không có tâm điên đảo chạy theo muôn vật thì ngại gì vạn vật thường quấy nhiễu, ngại gì mà phải than: ôi cái này, cái kia vây quanh, tôi tu không được! Tại sao tôi tu không được? Tại cái này, tại cái kia v.v... đủ thứ cái tại. Như vậy là tại cái đó hay tại mình có tâm với nó? Tôi ví dụ: Có một vật quý người ta để trước mắt chúng ta, nó là nó, mình là mình, đâu phải tại món đồ quý mà tôi tu không được, phải không? Tại thấy nó nên tôi tham tôi tu không được. Dấy niệm tham nên tu không được, chớ vật quý là vật quý, mình là mình, đừng dấy niệm tham thì có gì tu không được? Đến những tiếng khen, tiếng chê, tiếng khen chê qua rồi mất, chúng ta đừng quan trọng nó, đừng dính với nó thì có gì mà tu không được. Nhưng được người khen thì nhớ hoài, bị người chê thì giận mãi, như vậy tu không được là tại chúng ta giữ nó, duyên theo nó nên tu không được. Nếu nó như gió thổi, như tiếng pháo nổ, qua rồi thôi thì có gì mà tu không được, phải không? Như vậy tu không được là tại cái gì? Tại hữu tâm với vạn vật. Hữu tâm, thế gian gọi là hữu tình đó. Thấy cái gì cũng cột, cũng nắm rồi đổ thừa tại vật này, việc kia làm lằng xằng tôi tu không được. Thử hỏi trên thế gian này nơi nào không có những điều lằng xằng phải không? Chỗ nào cũng là lằng xằng, chỉ mình đừng chạy theo nó thì hết lằng xằng, vì vậy nên ông thốt ra hai câu: Chỉ tự vô tâm cùng vạn vật, ngại gì vạn vật thường quấy nhiễu. Vạn vật không quấy nhiễu chúng ta, nếu chúng ta không có tâm với nó, trái lại nếu mình có tâm với nó thì đổ thừa tại nó quấy nhiễu mình. Ngài lại dùng thí dụ con trâu sắt không sợ sư tử rống. Thường sư tử rống lên thì trâu hay voi gì cũng chạy cả, nhưng nếu gặp trâu sắt, sư tử rống thì rống nó đâu chạy. Trâu sắt thì không sợ. Đến thí dụ thứ hai là giống như người gỗ xem chim vẽ. Người gỗ đứng nhìn chim vẽ thì cả hai như thế nào? Ngài nói: Người gỗ bản thể tự vô tình. Người gỗ đâu có tình; chim vẽ gặp người cũng chẳng kinh, chim vẽ thấy người gỗ cũng không sợ. Ba hình ảnh, hình ảnh thứ nhất là con trâu sắt, hình ảnh thứ hai là người gỗ, hình ảnh thứ ba là con chim vẽ, cả ba đều không sợ ai hết. Sở dĩ nó không sợ là tại sao? Tại nó vô tình, nó vô tâm. Chúng ta hiện nay cũng vậy, nếu mình vô tâm với vạn vật, thì không vật nào quấy nhiễu mình được cả. Thế nên để kết thúc Ngài kết thúc bằng hai câu: tâm cảnh như như chỉ thế ấy, tức là đối cảnh mà tâm mình như như không chạy theo, thì nào sợ bò-đề đạo chẳng thành, nếu tâm mình không chạy theo cảnh thì đừng lo không thành đạo Bò-đề, mai chiều sẽ thành! Quý vị thấy sở dĩ mình không thành đạo Bò-đề là vì tâm chạy theo cảnh. Trái lại nếu tâm không chạy theo cảnh thì tâm cảnh đều như như, mà tâm cảnh như như thì đạo Bò-đề hiện tiền chớ không tìm ở đâu nữa.

Tóm lại, chư Phật, chư Tổ đều chỉ rõ yếu điểm tu hành cho chúng ta. Yếu điểm đó là tâm đừng chạy theo cảnh, khi tâm không chạy theo cảnh thì tâm cảnh như như, tâm cảnh như như thì đạo Bồ-đề hiện tiền không phải tìm ở đâu nữa, như vậy dù không muốn thành Phật thì Phật cũng hiện trước mắt. Trái lại, nếu chúng ta cứ mong tìm mà tâm cứ động mãi thì không bao giờ thấy Phật, đó là điều rõ ràng. Thế nên, mong rằng tất cả chúng ta, Tăng Ni, Phật tử và cả tôi nữa (vì tôi chưa tách rời quý vị được) qua năm mới này đều nỗ lực cố gắng tu hành, nhưng tu hành ở đây không có nghĩa là chúng ta phải lạy một ngày vạn Phật hay là sám hối một ngày mười thời, mà cố gắng tu hành ở đây là đừng để tâm chạy theo cảnh. Đừng để tâm chạy theo cảnh, tâm và cảnh được như như thì đó là chúng ta không cô phụ công ơn Phật Tổ và các vị Thiện tri thức chỉ dạy chúng ta. Như vậy mới xứng là người con dòng họ Thích, mới không hổ thẹn xưng ta là Thích tử, trái lại nếu chúng ta cứ để tâm rong ruổi theo vọng cảnh thì dù chúng ta có thương Phật thế mấy cũng khó mà gặp Phật được. Vậy mong rằng quý vị và chúng tôi, tất cả chúng ta nỗ lực để mỗi ngày mỗi ngày gần được Phật và một ngày nào đó thì viên mãn sống với Phật chứ không còn quên, không còn bỏ sót nữa.

NAM-MÔ BỐN SỰ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT.

